yú ěr

鱼饵

noun · bait (for fishing)

Example Sentences

tā yòng qiū yǐn zuò yú ěr
他 用 蚯蚓 做 鱼饵。

He uses earthworms as bait.

zhè zhǒng yú ěr zài hú lǐ tè bié yǒu xiào
这 种 鱼饵 在 湖里 特别 有 效。

This type of bait is especially effective in the lake.

Trace each character, then write the word on your own.

鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼

饵 饵 饵 饵 饵 饵 饵 饵 饵 饵 饵

饵